

Phụ lục IV:
SỐ LƯỢNG TÀU CÁ CHƯA ĐĂNG KÝ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Công văn số /BNN-TS ngày tháng 01 năm 2024
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Cỡ tàu Địa phương	6 - 12m	12 - 15m	15 - 24m	>24m	Tổng
1	Bình Thuận	1705	97	66	0	1.868
2	Kiên Giang	1045	337	83	0	1.465
3	Quảng Ninh	1286	62	0	0	1.348
4	Hà Tĩnh	1137	14	1	0	1.152
5	BR-Vũng Tàu	1030	57	8	0	1.095
6	Bình Định	1002	63	2	0	1.067
7	Quảng Nam	921	79	0	0	1.000
8	Phú Yên	890	85	23	0	998
9	Quảng Ngãi	734	115	37	0	886
10	Cà Mau	299	118	30	2	449
11	Khánh Hòa	415	15	0	0	430
12	Quảng Bình	319	88	13	0	420
13	Ninh Thuận	399	18	0	0	417
14	Trà Vinh	326	74	3	0	403
15	TT-Huế	349	36	0	0	385
16	Quảng Trị	360	20	0	0	380
17	Đà Nẵng	286	22	8	0	316
18	Tiền Giang	211	68	0	1	280
19	Sóc Trăng	239	20	0	0	259
20	Bến Tre	140	84	6	0	230
21	Bạc Liêu	75	25	0	0	100
22	Hải Phòng	69	0	0	0	69
23	Nghệ An	57	1	0	0	58
24	Thanh Hóa	0	56	1	0	57
25	Nam Định	0	9	35	3	47
26	Ninh Bình	0	14	0	0	14
27	Thái Bình	4	0	0	0	4
28	Vĩnh Long	0	0	0	1	1
	Tổng	13.298	1.577	316	7	15.198